



**Công ty Cổ phần Dược phẩm
Trung ương Codupha**

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2026



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp

0300483319

ngày 18 tháng 8 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 12 tháng 7 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Hữu Hiền
Bà Phạm Thị Mai Hương
Bà Lữ Thị Khánh Trân
Ông Nguyễn Quốc Hùng

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 22 tháng 4 năm 2026)

Bà Nguyễn Thị Hằng

Thành viên
(từ ngày 22 tháng 4 năm 2026)

Bà Hà Lan Anh

Thành viên
(đến ngày 21 tháng 4 năm 2026)

Ông Phạm Thứ Triệu

Thành viên
(đến ngày 21 tháng 4 năm 2026)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Đức Tuấn

Trưởng ban
(từ ngày 22 tháng 4 năm 2026)

Ông Bạch Quốc Vinh

Thành viên
(từ ngày 26 tháng 4 năm 2026)

Bà Nguyễn Thanh Thanh Bình

Thành viên

Bà Nguyễn Thị Hằng

Trưởng ban
(đến ngày 21 tháng 4 năm 2026)

Ông Trương Chí Thiện

Thành viên
(đến ngày 21 tháng 4 năm 2026)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Phạm Thị Mai Hương

Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Thùy Hương

Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

262L Lê Văn Sỹ, Phường Nhiêu Lộc
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Thị Mai Hương
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2026



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Keangnam Landmark 72,
Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Công ty"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 48.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán 18 tháng 3 năm 2026 và báo cáo soát xét 22 tháng 8 năm 2025.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 26-01-00507-26-1



Lê Nhật Vương

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3849-2022-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Nguyễn Hữu Nam Ninh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4200-2026-007-1



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND Đã phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 160)	100		2.384.584.383.864	2.226.223.923.911
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	18.469.912.695	30.439.123.602
Tiền	111		18.469.912.695	30.439.123.602
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		307.479.452	300.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		307.479.452	300.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.209.379.009.545	1.238.248.931.791
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	1.180.601.081.808	1.192.482.025.839
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		38.261.961.533	14.239.289.949
Phải thu ngắn hạn khác	135	12(a)	52.548.358.810	81.417.310.952
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	13	(62.032.392.606)	(49.889.694.949)
Hàng tồn kho	140	14	1.127.675.681.640	944.901.542.903
Hàng tồn kho	141		1.131.948.031.732	945.960.367.278
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(4.272.350.092)	(1.058.824.375)
Tài sản ngắn hạn khác	160		28.752.300.532	12.334.325.615
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		814.541.664	45.993.487
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162	20(a)	19.396.404.044	11.620.627.648
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	20(a)	441.354.824	167.318.390
Tài sản ngắn hạn khác	165	15	8.100.000.000	500.386.090

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND Đã phân loại lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260 + 270)	200		181.460.686.187	187.458.152.022
Các khoản phải thu dài hạn	210		776.000.000	650.000.000
Phải thu dài hạn khác	215	12(b)	776.000.000	650.000.000
Tài sản cố định	220		145.049.813.844	151.369.362.935
Tài sản cố định hữu hình	221	16	70.695.691.115	75.575.337.090
Nguyên giá	222		186.049.354.388	185.544.195.499
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(115.353.663.273)	(109.968.858.409)
Tài sản cố định vô hình	227	17	74.354.122.729	75.794.025.845
Nguyên giá	228		97.704.403.845	97.704.403.845
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(23.350.281.116)	(21.910.378.000)
Tài sản dở dang dài hạn	250		381.000.000	540.900.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	18	381.000.000	540.900.000
Đầu tư tài chính dài hạn	260	10	32.992.893.387	32.992.893.387
Đầu tư vào các công ty liên kết	262		3.520.408.664	3.520.408.664
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		29.472.484.723	29.472.484.723
Tài sản dài hạn khác	270		2.260.978.956	1.904.995.700
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271		1.058.977.084	1.904.995.700
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		1.202.001.872	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		2.566.045.070.051	2.413.682.075.933

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
				Đã phân loại lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.342.581.317.160	2.186.401.045.317
Nợ ngắn hạn	310		2.313.410.385.203	2.157.241.113.385
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	1.130.607.101.411	1.145.294.886.764
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		49.280.297.292	26.000.290.269
Phải trả cổ tức	313		9.217.276.476	7.311.946.476
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	20(b)	2.938.715.045	518.739.571
Phải trả người lao động	315		2.579.312.474	6.440.080.995
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	21	5.387.644.826	3.453.501.617
Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		24.821.964	49.643.929
Phải trả ngắn hạn khác	320	22	3.373.953.466	4.725.734.742
Vay ngắn hạn	321	23(a)	1.108.054.935.186	963.446.289.022
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	24	1.946.327.063	-
Nợ dài hạn	330		29.170.931.957	29.159.931.932
Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		148.931.957	148.931.932
Phải trả dài hạn khác	338		22.000.000	11.000.000
Vay dài hạn	339	23(b)	29.000.000.000	29.000.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		223.463.752.891	227.281.030.616
Vốn cổ phần	411	26	182.700.000.000	182.700.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		182.700.000.000	182.700.000.000
Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		(586.200.000)	(586.200.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	28	9.071.115.794	9.071.115.794
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		32.278.837.097	36.096.114.822
- <i>LNST chưa phân phối đến cuối năm trước</i>	420a		20.245.287.325	12.643.451.512
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	420b		12.033.549.772	23.452.663.310
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.566.045.070.051	2.413.682.075.933

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Người lập



Chu Thị Bích Hồng
Phó Giám đốc Tài chính
Kế toán

Người duyệt



Phạm Chí Trực
Kế toán trưởng kiêm Giám đốc
Tài chính Kế toán




Phạm Thị Mai Hương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	1.312.965.089.399	1.483.961.467.409
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	19.847.527.242	7.416.621.380
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	30	1.293.117.562.157	1.476.544.846.029
Giá vốn hàng bán	11	31	1.175.240.322.251	1.377.620.021.819
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		117.877.239.906	98.924.824.210
Doanh thu hoạt động tài chính	22	32	16.396.035.028	14.096.224.207
Chi phí tài chính	23	33	37.439.201.398	27.213.025.682
Trong đó: Chi phí đi vay	24		35.074.585.768	21.760.908.402
Chi phí bán hàng	25	34	58.945.989.902	56.006.207.347
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	20.258.155.049	15.469.195.145
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 22 - 23 - (25 + 26)}	30		17.629.928.585	14.332.620.243
Thu nhập khác	31		142.598.961	468.016.617
Chi phí khác	32		2.177.062.265	292.017.844
(Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(2.034.463.304)	175.998.773
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		15.595.465.281	14.508.619.016
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	4.763.917.381	2.768.445.986
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	37	(1.202.001.872)	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		12.033.549.772	11.740.173.030
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	515	503

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Người lập



Chu Thị Bích Hồng
Phó Giám đốc Tài chính
Kế toán

Người duyệt



Phạm Chí Trực
Kế toán trưởng kiêm Giám đốc
Tài chính Kế toán





Phạm Thị Mai Hương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		15.595.465.281	14.508.619.016
Khấu hao TSCĐ	02		6.824.707.980	7.105.305.188
Các khoản dự phòng	03		15.709.881.300	7.419.514.575
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.661.103.116)	(1.974.479.288)
Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(21.537.901)	(480.612.975)
Chi phí đi vay	06		35.074.585.768	21.760.908.402
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		71.521.999.312	48.339.254.918
Giảm, (tăng) các khoản phải thu	09		8.073.749.412	(94.704.092.878)
Tăng hàng tồn kho	10		(186.341.322.380)	(80.364.829.623)
Tăng các khoản phải trả	11		4.519.507.226	40.673.443.802
Giảm chi phí chờ phân bổ	12		77.470.439	210.156.818
			(102.148.595.991)	(85.846.066.963)
Chi phí đi vay đã trả	14		(32.488.397.238)	(21.469.448.018)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.490.685.939)	(3.168.405.134)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.822.051.997)	(2.202.381.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(140.949.731.165)	(112.686.301.115)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(345.258.889)	(317.855.455)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		-	516.974.747
Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		(8.100.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	6.720.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		14.058.449	13.316.358
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.431.200.440)	6.932.435.650
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		1.499.553.789.037	1.372.839.854.520
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.354.945.142.873)	(1.266.796.677.053)
Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.199.070.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		137.409.576.164	106.043.177.467
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(11.971.355.441)	289.312.002
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		30.439.123.602	20.839.104.211
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.144.534	41.262.569
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	9	18.469.912.695	21.169.678.782

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Người lập



Chu Thị Bích Hồng
 Phó Giám đốc Tài chính
 Kế toán

Người duyệt



Phạm Chí Trực
 Kế toán trưởng kiêm Giám đốc
 Tài chính Kế toán



Phạm Thị Mai Hương
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 1 công ty liên kết (1/1/2026: 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh số 10.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 370 nhân viên (1/1/2026: 369 nhân viên).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, các chi nhánh hạch toán phụ thuộc và văn phòng đại diện của Công ty như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha Hà Nội – Số 16, Ô C2/NO, Khu Nam Trung Yên, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha Hải Phòng – Số 18, Lô 11B, Đường Trần Văn Giang, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha Thành phố Vinh – Số 182, Đường Thăng Long, Xóm 14, Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha Miền Trung – Đường số 2, KCN Hòa Khánh, Phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha Tây Nguyên – Số 24, Đường Nguyễn Trác, Phường Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha Cần Thơ – Số 132A, Đường Nguyễn Văn Cừ nối dài, Phường Tân An, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha - An Giang – Số 57, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố, có phân loại lại một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định cụ thể khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Công ty và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính:

- Các giao dịch bằng ngoại tệ (Thuyết minh số 4(a));
- Các khoản phải thu (Thuyết minh số 4(d)); và
- Phải trả cổ tức (Thuyết minh số 4(k)).

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất, ngoại trừ các chính sách được mô tả tại Thuyết minh số 3.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị phân bổ trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

(ii) Đầu tư vào công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính này, các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn hoặc được đánh giá là có khả năng không thu hồi được.

Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn thanh toán được đánh giá theo từng trường hợp cụ thể dựa trên các bằng chứng sẵn có tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán về khả năng thu hồi, phân tích tuổi nợ và mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

Tỷ lệ dự phòng

Quá hạn từ 6 tháng – 1 năm	30%
Quá hạn từ 1 – 2 năm	50%
Quá hạn từ 2 – 3 năm	70%
Quá hạn trên 3 năm	100%

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn nhưng được đánh giá là không có khả năng thu hồi dựa trên các bằng chứng sẵn có tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được trích lập dự phòng theo từng trường hợp cụ thể.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp thực tế đích danh và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến và các điều chỉnh do xác định lại giá trị tài sản khi cổ phần hóa Công ty được các bên hữu quan phê duyệt. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận tải	10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 12 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất cùng các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 30 đến 50 năm đối với quyền sử dụng đất có thời hạn. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả được thể hiện theo giá gốc.

(k) Phải trả cổ tức

Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận tại thời điểm Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua việc phân phối cổ tức cho cổ đông.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu mua lại của chính mình/cổ phiếu quỹ)

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi Công ty mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ/cổ phiếu mua lại của chính mình chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư.

Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần.

Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

Khi cổ phiếu quỹ/cổ phiếu mua lại của chính mình được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Tuy nhiên, thu nhập từ tiền lãi không được ghi nhận đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được trích lập dự phòng tổn thất do không có khả năng thu hồi.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập cổ tức từ các cổ phiếu đã được đăng ký và lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) được ghi nhận vào ngày đăng ký cuối cùng. Thu nhập từ cổ tức từ các cổ phiếu chưa được đăng ký tại VSDC được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(q) Chi phí sản xuất kinh doanh

Chi phí sản xuất kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trừ trường hợp các chi phí liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, các khoản chi phí này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Trong kỳ, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng hiện tại Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh và tại một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

5. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

6. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

7. Các khoản mục bất thường

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

8. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Công ty không có thay đổi trong cơ cấu có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
		(Đã phân loại lại)
Tiền mặt	199.804.548	123.263.854
Tiền gửi ngân hàng (*)	18.270.108.147	30.315.859.748
	18.469.912.695	30.439.123.602

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(*) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Tên ngân hàng		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	6.451.232.165	4.481.363.886
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	5.059.821.285	5.529.317.164
Các ngân hàng khác	6.759.054.697	20.305.178.698
	18.270.108.147	30.315.859.748

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

10. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác – dài hạn

		30/6/2026			1/1/2026		
		% sở hữu	% quyền biểu quyết	Dự phòng VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Dự phòng VND
				Giá trị có thể thu hồi VND			Giá trị có thể thu hồi VND
				Giá gốc VND			Giá gốc VND
Công ty liên kết							
Công ty TNHH Y Tế Alfresa Codupha Việt Nam (i)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	30%	30%	-	30%	30%	-
				3.520.408.664			3.520.408.664
Các đơn vị khác							
Công ty Cổ phần Dược và Dịch vụ Thương mại Tuyên Quang	Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam	0,86%	0,86%	-	0,86%	0,86%	-
Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương (ii)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	3,68%	0%	-	3,68%	0%	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương (ii)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	3,82%	0%	-	3,82%	0%	-
				32.992.893.387			32.992.893.387
				32.992.893.387			32.992.893.387

(i) Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam – công ty liên kết có hoạt động chính là bán lẻ và bán buôn mặt hàng y tế.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

- (ii) Tại ngày báo cáo, Công ty nắm giữ 2.900.000 cổ phần ưu đãi đặc biệt loại A và không có quyền biểu quyết của các công ty này. Công ty đã được nhận trước một khoản cổ tức ưu đãi với giá trị cố định, không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của các công ty này trong thời gian lưu hành của cổ phiếu. Các khoản đầu tư này là tài sản được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn của Công ty (Thuyết minh số 23(b)).

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

11. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Dược phẩm An Vượng	80.367.767.435	-	165.274.139.100	-
Công ty TNHH Dược phẩm Khun				
Thắng	68.209.129.475	-	92.080.485.250	-
Khác	1.032.024.184.898	-	935.127.401.489	-
	1.180.601.081.808	-	1.192.482.025.839	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh số 23(a)).

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

12. Phải thu khác

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Phải thu các khoản hỗ trợ kinh doanh	23.099.194.007	-	23.099.820.484	-
Phải thu hỗ trợ hủy hàng hư hỏng	8.965.602.513	-	12.292.638.682	-
Phải thu chiết khấu thanh toán sớm	8.775.643.395	-	6.953.826.707	-
Ký quỹ, ký cược	2.761.161.292	-	2.395.694.102	-
Tạm ứng cho nhân viên	1.900.850.156	-	1.200.776.401	-
Tiền hàng ủy thác nhập khẩu	1.655.603.601	-	1.659.798.876	-
Lãi trả chậm	1.084.088.667	-	1.338.975.324	-
Phải thu hỗ trợ phân phối và lưu kho	862.908.837	-	5.859.642.748	-
Phải thu chiết khấu thương mại	-	-	12.617.492.308	-
Phải thu thanh toán hộ	-	-	9.022.339.400	-
Khác	3.443.306.342	-	4.976.305.920	-
	52.548.358.810	-	81.417.310.952	

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược	776.000.000	-	650.000.000	-

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

	30/6/2026			1/1/2026			
Thời gian quá hạn	Giá trị gốc nợ VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá trị gốc nợ VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu khác							
Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị Y tế An Phát	2.610.867.617	(2.610.867.617)	-	Trên 30 tháng	2.610.867.617	(2.610.867.617)	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Vật liệu Xây dựng Hải Đẳng Koko	816.000.000	(816.000.000)	-	Trên 30 tháng	816.000.000	(816.000.000)	-
Công ty TNHH Xuân Vy	2.387.265.606	(716.179.682)	1.671.085.924	6 tháng	2.387.265.606	-	2.387.265.606
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Mi Nguyễn	487.743.222	(487.743.222)	-	Trên 30 tháng	487.743.222	(487.743.222)	-
	6.301.876.445	(4.630.790.521)	1.671.085.924		6.301.876.445	(3.914.610.839)	2.387.265.606

PHỔ
CÔNG
TNH
11120

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

	30/6/2026			1/1/2026				
	Thời gian quá hạn	Giá trị gốc nợ VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá trị gốc nợ VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Trả trước cho người bán Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Hoàng An	-	-	-	-	Trên 30 tháng	216.106.684	(216.106.684)	-
		-	-	-		216.106.684	(216.106.684)	-
		76.422.270.226	(62.032.392.606)	14.389.877.620		75.267.498.837	(49.889.694.949)	25.377.803.888

Trong đó:
Dự phòng phải thu
khó đòi ngắn hạn

(62.032.392.606)

(49.889.694.949)

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

Biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	49.889.694.949	35.752.861.392
Dự phòng trích lập trong kỳ	12.628.482.289	2.232.910.586
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(485.784.632)	(3.142.369.110)
Số dư cuối kỳ	62.032.392.606	34.843.402.868

14. Hàng tồn kho

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	15.431.848.653	-	61.242.584.127	-
Hàng hóa	1.116.516.183.079	(4.272.350.092)	884.717.783.151	(1.058.824.375)
	1.131.948.031.732	(4.272.350.092)	945.960.367.278	(1.058.824.375)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, một số hàng tồn kho được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh số 23(a)).

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.058.824.375	5.522.387.750
Dự phòng trích lập trong kỳ	4.167.723.235	12.361.929.820
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(600.539.592)	(4.032.956.721)
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(353.657.926)	(3.791.201.377)
Số dư cuối kỳ	4.272.350.092	10.060.159.472

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn bị hạn chế sử dụng (*)	8.100.000.000	-
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn bị hạn chế sử dụng	-	500.386.090
	8.100.000.000	500.386.090

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn bị hạn chế sử dụng do được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh số 23(a)).

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	95.966.408.877	49.039.768.369	37.340.905.579	3.139.305.211	57.807.463	185.544.195.499
Tăng trong kỳ	-	92.410.185	-	412.748.704	-	505.158.889
Số dư cuối kỳ	95.966.408.877	49.132.178.554	37.340.905.579	3.552.053.915	57.807.463	186.049.354.388
Giá trị khấu hao lũy kế						
Số dư đầu kỳ	41.475.570.021	39.513.940.437	26.116.715.558	2.804.824.930	57.807.463	109.968.858.409
Khấu hao trong kỳ	2.160.513.684	2.021.006.564	1.085.241.960	118.042.656	-	5.384.804.864
Số dư cuối kỳ	43.636.083.705	41.534.947.001	27.201.957.518	2.922.867.586	57.807.463	115.353.663.273
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	54.490.838.856	9.525.827.932	11.224.190.021	334.480.281	-	75.575.337.090
Số dư cuối kỳ	52.330.325.172	7.597.231.553	10.138.948.061	629.186.329	-	70.695.691.115

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 30.290 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (1/1/2026: 30.664 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

Các tài sản cố định hữu hình chủ yếu đang được sử dụng:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Nhà kho - Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân	34.246.738.675	35.704.046.707
Nhà văn phòng và kho GSP	7.594.348.402	7.908.597.304
	<u>41.841.087.077</u>	<u>43.612.644.011</u>

17. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	95.082.437.845	2.621.966.000	97.704.403.845
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	20.138.601.930	1.771.776.070	21.910.378.000
Khấu hao trong kỳ	1.269.836.514	170.066.602	1.439.903.116
Số dư cuối kỳ	<u>21.408.438.444</u>	<u>1.941.842.672</u>	<u>23.350.281.116</u>
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	74.943.835.915	850.189.930	75.794.025.845
Số dư cuối kỳ	<u>73.673.999.401</u>	<u>680.123.328</u>	<u>74.354.122.729</u>

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 602 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (1/1/2026: 558 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 quyền sử dụng đất có giá trị còn lại là 30.290 triệu VND (1/1/2026: 31.786 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh số 23(a)).

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

Các tài sản cố định vô hình chủ yếu đang được sử dụng:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Quyền sử dụng đất – Khu công nghiệp Lê Minh Xuân	33.785.879.493	34.571.597.619
Quyền sử dụng đất - Cần Thơ	30.290.473.212	30.664.429.674
	64.076.352.705	65.236.027.293

18. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Phần mềm quản lý hàng tồn kho và bán hàng	231.000.000	390.900.000
Khác	150.000.000	150.000.000
	381.000.000	540.900.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 giá trị ghi sổ của chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 381 triệu VND (1/1/2026: 540 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

19. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Các bên khác	1.129.731.548.085	1.144.229.251.867
Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam	423.194.906.520	252.765.103.748
Novapri Lifescience Private Limited	77.955.843.311	162.930.176.208
Prime Pharmaceuticals Ltd	65.092.962.786	94.523.915.122
Khác	563.487.835.468	634.010.056.789
Các bên liên quan	875.553.326	1.065.634.897
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam - công ty liên kết	875.553.326	875.553.313
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 - công ty con cùng Tập đoàn	-	190.081.584
	1.130.607.101.411	1.145.294.886.764

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

20. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ và thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2026 VND	Số phải thu VND	Số đã nộp VND	Số đã khấu trừ VND	30/6/2026 VND
Thuế giá trị gia tăng - hàng nhập khẩu	167.318.390	-	16.450.972.284	(16.214.272.932)	404.017.742
Thuế giá trị gia tăng - hàng nội địa	11.620.627.648	62.771.140.564	-	(54.995.364.168)	19.396.404.044
Thuế thu nhập cá nhân	-	(22.447.433)	59.784.515	-	37.337.082
	11.787.946.038	62.748.693.131	16.510.756.799	(71.209.637.100)	19.837.758.868

(b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	1/1/2026 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số đã khấu trừ VND	30/6/2026 VND
Thuế giá trị gia tăng - hàng nội địa	11.584.288	71.836.674.343	(320.994.727)	(71.209.637.100)	317.626.804
Thuế thu nhập doanh nghiệp	347.856.799	4.763.917.381	(2.490.685.939)	-	2.621.088.241
Thuế xuất – nhập khẩu	-	1.170.091.012	(1.170.091.012)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	159.298.484	-	(159.298.484)	-	-
	518.739.571	77.770.682.736	(4,141,070,162)	(71,209,637,100)	2,938,715,045

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Chi phí lãi vay	4.254.196.685	1.670.000.000
Khác	1.133.448.141	1.783.501.617
	5.387.644.826	3.453.501.617

22. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Đã phân loại lại)
Nhận ký quỹ, ký cược	929.334.851	1.621.541.128
Nhận ủy thác nhập khẩu	234.806.586	1.090.370.147
Khác	2.209.812.029	2.013.823.467
	3.373.953.466	4.725.734.742

23. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2026 Giá trị ghi sổ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2026 Giá trị ghi sổ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	963.446.289.022	1.499.553.789.037	(1.354.945.142.873)	1.108.054.935.186

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Thời gian đáo hạn	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Khoản vay có tài sản đảm bảo (*)					
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Bắc Sài Gòn	VND	5,5% - 8,8%	Ngày 21 tháng 8 năm 2026	194.991.852.470	192.150.201.037
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Bắc Sài Gòn (Thư tín dụng nội địa - L/C)	VND	5,0% - 8,8%	Ngày 21 tháng 8 năm 2026	161.225.592.559	99.772.805.225
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam	VND	5,15% - 9,0%	Ngày 23 tháng 6 năm 2027	134.574.071.465	172.270.471.681
Khoản vay không có tài sản đảm bảo					
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	VND	5,2% - 8,0%	Ngày 23 tháng 3 năm 2027	459.097.254.692	449.152.811.079
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân	VND	6,5% - 8,0%	Ngày 23 tháng 7 năm 2026	8.231.714.052	-
Ngân hàng TNHH Một Thành viên Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	5,3% - 7,9%	Ngày 23 tháng 7 năm 2026	49.999.796.540	50.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	VND	7,9%	Ngày 3 tháng 6 năm 2027	99.934.653.408	-
Vay cá nhân				-	100.000.000
				1.108.054.935.186	963.446.289.022

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(*) Khoản vay ngân hàng có tài sản đảm bảo như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
<i>Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội:</i>		
Giá trị còn lại của tài sản đảm bảo - tài sản cố định vô hình (Thuyết minh số 17) được dùng làm tài sản	30.290.473.212	31.786.299.060
<i>Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam:</i>		
Giá trị ghi sổ của tài sản đảm bảo - Tiền gửi ngân hàng (Thuyết minh số 15)	8.100.000.000	500.386.090
Tổng giá trị tối thiểu của hàng tồn kho luân chuyển (Thuyết minh số 14) và khoản phải thu luân chuyển (Thuyết minh số 11)	500.000.000.000	300.000.000.000

(b) **Vay dài hạn**

	1/1/2026	Biến động trong kỳ		30/6/2026
	Giá trị ghi sổ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Hoa Lâm	29.000.000.000	-	-	29.000.000.000

Khoản vay dài hạn từ Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Hoa Lâm không chịu lãi, có thời gian đáo hạn vào năm 2027 và được đảm bảo bằng khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác – dài hạn (Thuyết minh số 10).

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	-	1.648.607.002
Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.746.427.497	1.231.482.227
Sử dụng quỹ trong kỳ	(3.822.051.997)	(2.202.381.000)
Cần trừ với khoản phải thu	(978.048.437)	-
Số dư cuối kỳ	1.946.327.063	677.708.229

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu mua lại của chính mình VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	182.700.000.000	(586.200.000)	9.071.115.794	30.262.853.739	221.447.769.533
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	11.740.173.030	11.740.173.030
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.231.482.227)	(1.231.482.227)
Cổ tức (Thuyết minh số 27)	-	-	-	(16.387.920.000)	(16.387.920.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	182.700.000.000	(586.200.000)	9.071.115.794	24.383.624.542	215.568.540.336
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	182.700.000.000	(586.200.000)	9.071.115.794	36.096.114.822	227.281.030.616
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	12.033.549.772	12.033.549.772
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(6.746.427.497)	(6.746.427.497)
Cổ tức (Thuyết minh số 27)	-	-	-	(9.104.400.000)	(9.104.400.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	182.700.000.000	(586.200.000)	9.071.115.794	32.278.837.097	223.463.752.891

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	18.270.000	182.700.000.000	18.270.000	182.700.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	18.270.000	182.700.000.000	18.270.000	182.700.000.000
Cổ phiếu mua lại của chính mình				
Cổ phiếu phổ thông	(61.200)	(586.200.000)	(61.200)	(586.200.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	18.208.800	182.113.800.000	18.208.800	182.113.800.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Các cổ đông lớn của Công ty bao gồm:

	30/6/2026		1/1/2026	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	121.225.000.000	66,35%	121.225.000.000	66,00%
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ NTP	15.076.500.000	8,25%	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC	27.163.900.000	14,87%	-	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	-	-	34.700.000.000	19,00%
Cổ đông khác	19.234.600.000	10,53%	26.775.000.000	15,00%
	182.700.000.000	100%	182.700.000.000	100%

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

27. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 22 tháng 4 năm 2026, Đại hội đồng cổ đông đã quyết định phân phối cổ tức của năm 2025 với tỷ lệ 9% mệnh giá và Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền đợt 2 năm 2025 trị giá 9.104 triệu VND (tương đương 500 VND/cổ phiếu) (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025: phân phối cổ tức của năm tài chính 2024 trị giá 16.388 triệu VND (tương đương 900 VND/cổ phiếu).

28. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

29. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Dưới một năm	7.089.552.000	4.215.000.000
Từ một năm đến 5 năm	17.710.632.000	10.116.000.000
	<u>24.800.184.000</u>	<u>14.331.000.000</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

Các tài sản thuê hoạt động bao gồm:

	Thời hạn thuê	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Nhà tại 262L Lê Văn Sỹ, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	1 năm	4.356.000.000	4.356.000.000
Nhà tại Số 16, Ô C2/NO, Khu Nam Trung Yên, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2 năm	1.663.200.000	-
Nhà tại Số 18, Lô 11B, Đường Trần Văn Giang, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	3 năm	900.000.000	-
Nhà tại Số 16, Ô C2/NO, Khu Nam Trung Yên, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	3 năm	1.890.000.000	1.080.000.000
Nhà tại 262L, Lê Văn Sỹ, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	5 năm	6.930.000.000	7.920.000.000
Nhà tại Lô số 09, số nhà 42 Đường Quyết Thắng, Cụm Công nghiệp Yên Nghĩa, Phường Yên Nghĩa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	5 năm	9.060.984.000	-
Nhà tại 262L Lê Văn Sỹ, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	2 năm	-	900.000.000
Nhà tại số 18, Lô 11B, Đường Trần Văn Giang, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	2 năm	-	75.000.000
		24.800.184.000	14.331.000.000

(b) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	30/6/2026 Số lượng	1/1/2026 Số lượng
Hộp	643.931	757.802
Ống	30.000	124.567
Gói	2.250	46.410
Tuýp	59	93.809
Chai	11.144	78.613
Khác	22.225	51.889

(c) Ngoại tệ các loại

	30/6/2026		1/1/2026	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	14.804	391.423.957	102.278	2.697.794.193
EUR	926	27.606.579	936	29.688.981
		419.030.536		2.727.483.174

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	1.277.975.359.886	1.453.824.623.474
▪ Cung cấp dịch vụ và cho thuê	34.989.729.513	30.136.843.935
	1.312.965.089.399	1.483.961.467.409
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	19.825.204.431	5.981.742.702
▪ Giảm giá hàng bán	22.322.811	1.434.878.678
	19.847.527.242	7.416.621.380
Doanh thu thuần về hàng bán và cung cấp dịch vụ		
	1.293.117.562.157	1.476.544.846.029

31. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Hàng đã bán	1.151.984.242.677	1.365.914.476.384
▪ Dịch vụ đã cung ứng và cho thuê	19.688.895.931	3.376.572.336
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.567.183.643	8.328.973.099
	1.175.240.322.251	1.377.620.021.819

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

32. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi	21.537.901	13.316.358
Chiết khấu thanh toán được hưởng	8.802.616.660	4.656.059.844
Lãi bán hàng trả chậm	315.698.004	1.150.770.634
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	5.595.079.347	8.276.077.371
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.661.103.116	-
	16.396.035.028	14.096.224.207

33. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí lãi vay	35.074.585.768	21.760.908.402
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.364.615.630	5.334.651.471
Khác	-	117.465.809
	37.439.201.398	27.213.025.682

34. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên	30.676.211.681	29.825.437.112
Chi phí nguyên vật liệu	781.590.970	1.318.768.398
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	5.827.041.231	6.152.000.438
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.737.684.406	9.195.797.574
Khác	10.923.461.614	9.514.203.825
	58.945.989.902	56.006.207.347

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.608.000.000	1.474.195.453
Chi phí dụng cụ quản lý	327.476.263	659.363.210
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	997.666.749	895.301.892
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	12.142.697.657	(909.458.524)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.191.062.573	6.168.621.373
Khác	991.251.807	7.181.171.741
	20.258.155.049	15.469.195.145

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí hàng hóa	1.361.227.986.705	1.365.914.476.384
Chi phí nguyên vật liệu	1.080.143.340	1.978.131.608
Chi phí nhân viên	32.284.211.681	31.299.632.565
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	6.824.707.980	7.047.302.330
Chi phí trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	12.142.697.657	(909.458.524)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.957.670.872	15.364.418.947
Khác	11.914.713.421	16.695.375.566
	1.440.432.131.656	1.437.389.878.876

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

37. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN - hiện hành		
Kỳ này	4.763.917.381	2.768.445.986
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	(1.202.001.872)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	3.561.915.509	2.768.445.986

Chi phí thuế TNDN trong kỳ được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	15.595.465.281	14.508.619.016
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	3.119.093.056	2.901.723.803
Chi phí thuế không được khấu trừ	442.822.453	89.403.529
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	-	(222.681.346)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	3.561.915.509	2.768.445.986

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 được dựa trên số lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ sau khi trừ đi số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 9.386 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025: 9.157 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 18.208.800 cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025: 18.208.800 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	12.033.549.772	11.740.173.030
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.647.380.950)	(2.582.838.067)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.386.168.822	9.157.334.963

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	18.208.800	18.208.800

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Cổ đông		
Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP		
Cổ tức công bố	6.061.250.000	10.910.250.000
Cổ tức đã trả	4.849.000.000	-

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Bùi Hữu Hiền – Chủ tịch	480.000.000	420.000.000
Bà Phạm Thị Mai Hương – Thành viên	30.000.000	30.000.000
Bà Lữ Thị Khánh Trân – Thành viên	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Quốc Hùng – Thành viên (từ ngày 22 tháng 4 năm 2026)	10.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Hằng – Thành viên (từ ngày 22 tháng 4 năm 2026)	10.000.000	-
Bà Hà Lan Anh – Thành viên (đến ngày 21 tháng 4 năm 2026)	20.000.000	30.000.000
Ông Phạm Thử Triệu – Thành viên (đến ngày 21 tháng 4 năm 2026)	20.000.000	30.000.000
Ban Tổng Giám đốc		
Bà Phạm Thị Mai Hương – Tổng Giám đốc	450.000.000	154.090.909
Bà Nguyễn Thị Thùy Hương – Phó Tổng Giám đốc	330.000.000	55.000.000
Ban Kiểm soát		
Ông Nguyễn Đức Tuấn – Trưởng ban (từ ngày 22 tháng 4 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026)	16.000.000	-
Bà Nguyễn Thanh Thanh Bình – Thành viên	12.000.000	12.000.000
Ông Bạch Quốc Vinh - Thành viên (từ ngày 21 tháng 4 năm 2026)	4.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Hằng – Trưởng ban (đến ngày 21 tháng 4 năm 2026)	20.000.000	30.000.000
Ông Trương Chí Thiện – Thành viên (đến ngày 21 tháng 4 năm 2026)	8.000.000	12.000.000

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

40. Thông tin so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 lần lượt được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 Công ty áp dụng Thông tư 99 và thay đổi trên cơ sở phi hồi tố một số chính sách kế toán. Một số số liệu thông tin so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Báo cáo tình hình tài chính

	Mã số	1/1/2026 (phân loại lại) VND	1/1/2026 (theo báo cáo trước đây) VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	30.439.123.602	30.939.509.692
Tài sản ngắn hạn khác	165	500.386.090	-
Phải trả cổ tức	313	7.311.946.476	
Phải trả ngắn hạn khác	320	4.725.734.742	12.037.681.218

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Người lập



Chu Thị Bích Hồng
Phó Giám đốc Tài chính
Kế toán

Người duyệt



Phạm Chí Trực
Kế toán trưởng kiêm Giám đốc
Tài chính Kế toán



Phạm Thị Mai Hương
Tổng Giám đốc



